

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ DỆT, MAY
KHÓA 16**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ Thông tư số 09/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo Trường ngày 11/6/2025 về việc thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này các chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho khóa 16 (DK16) tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Sao Đỏ (có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng đơn vị: Phòng Đào tạo và Tuyển sinh, Quản lý chất lượng, Công tác sinh viên, Kế hoạch và Tài chính, các khoa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/c Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT&TS. 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


TS. Đỗ Văn Đình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Công nghệ dệt, may
Trình độ đào tạo : Đại học (Kỹ sư)
Ngành đào tạo : Công nghệ dệt, may
 (Textile, Garment Technology)
Mã ngành : 7540204
Hình thức đào tạo : Chính quy

*(Kèm theo Quyết định số 361/QĐ-ĐHSD ngày 29 tháng 7 năm 2025
của Trường Đại học Sao Đỏ)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ dệt, may nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức toàn diện về lĩnh vực dệt may; có kỹ năng thực hành vững vàng để đảm nhiệm hiệu quả các công việc liên quan đến thiết kế, giác sơ đồ, xây dựng tài liệu kỹ thuật, quản lý chất lượng, tổ chức sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Sinh viên được rèn luyện năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển sản phẩm mới, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0 và môi trường làm việc hiện đại. Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, học tập suốt đời, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phục vụ nhân dân, thích ứng với thực tiễn và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh; hiểu được vai trò của các lĩnh vực này trong bối cảnh phát triển hiện đại, nhằm vận dụng hiệu quả vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong nghề nghiệp và đời sống, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số và hội nhập.

1.2.1.1b. Có kiến thức nền tảng về toán học, khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn, tin học và ngoại ngữ, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên môn, học tập suốt đời và nâng cao trình độ trong lĩnh vực kỹ thuật.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về hình họa, vật liệu, mỹ thuật, thiết kế thời trang và thiết bị may, tạo nền tảng vững chắc cho việc học tập chuyên sâu.

1.2.1.2b. Nắm vững kiến thức chuyên sâu về thiết kế các loại trang phục, phân tích tài liệu kỹ thuật, thiết kế dây chuyền, lập kế hoạch, quản lý chất lượng sản phẩm và điều hành quá trình sản xuất trong lĩnh vực dệt may.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có khả năng thiết kế, phát triển mẫu, cũng như xây dựng và triển khai hiệu quả các tài liệu kỹ thuật liên quan đến sản phẩm dệt may.

1.2.2.2. Thành thạo các kỹ năng gia công sản phẩm, tổ chức sản xuất, kiểm soát chất lượng, và ứng dụng công nghệ mới vào quy trình sản xuất trong lĩnh vực dệt may.

1.2.2.3. Sử dụng được ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc Trung Quốc) để nghiên cứu tài liệu chuyên môn, giao tiếp, làm việc với chuyên gia và đối tác quốc tế trong môi trường hội nhập.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Thể hiện khả năng làm việc độc lập, chủ động sáng tạo, phối hợp nhóm hiệu quả; có trách nhiệm cao trong công việc cá nhân và tập thể ở mọi bối cảnh học tập, thực hành, thực tế sản xuất.

1.2.3.2. Có năng lực tổ chức, hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ đồng nghiệp hoặc cấp dưới khi triển khai các nhiệm vụ kỹ thuật và chuyên môn tại doanh nghiệp, cơ sở thực hành trong lĩnh vực dệt may.

1.2.4. Vị trí làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng kỹ sư Công nghệ dệt, may và có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Cán bộ kỹ thuật, cán bộ phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các doanh nghiệp may.

- Cán bộ quản lý, cán bộ điều hành sản xuất ở các công đoạn trong sản xuất may công nghiệp.

- Nhân viên bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm; nhân viên tư vấn, thiết kế và kinh doanh sản phẩm thời trang.

- Có thể tự tạo lập doanh nghiệp hoặc kinh doanh trong lĩnh vực may mặc.

- Làm việc trong các cơ sở giáo dục; đủ điều kiện theo học ở các bậc trình độ cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng hiệu quả kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và ngoại ngữ làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT trong học tập, xử lý công việc chuyên môn và thích nghi với môi trường làm việc hiện đại; đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số.

2.1.4. Áp dụng được các kiến thức cơ bản về vật liệu dệt may, thiết bị, an toàn lao động, mỹ thuật và kỹ thuật điện để phục vụ quá trình sản xuất.

2.1.5. Vận dụng được các phương pháp thiết kế trang phục để hoàn thiện bộ mẫu sản xuất trong lĩnh vực dệt may.

2.1.6. Phân tích quy trình công nghệ, tối ưu hóa quá trình sản xuất, đồng thời kiểm tra, giám sát và điều hành hiệu quả hoạt động sản xuất trong ngành dệt may.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Thiết kế và phát triển các sản phẩm quần áo thông dụng và thời trang, đáp ứng yêu cầu thị trường.

2.2.2. Xây dựng được tài liệu kỹ thuật, trực tiếp triển khai quy trình cắt, may hoàn thiện sản phẩm, đồng thời kiểm soát hiệu quả năng suất và chất lượng sản phẩm.

2.2.3. Thiết kế được dây chuyền may, tổ chức và điều hành sản xuất khoa học; ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong lĩnh vực dệt may.

2.2.4. Đánh giá và phản biện các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thay đổi; vận dụng tư duy sáng tạo để đề xuất, thiết kế và hiện thực hóa sản phẩm mới; có năng lực khởi nghiệp, tổ chức sản xuất và tạo lập việc làm trong lĩnh vực dệt may.

2.2.5. Trình bày rõ ràng và thuyết phục các vấn đề kỹ thuật; đánh giá chất lượng công việc, hiệu quả hợp tác trong nhóm chuyên môn tại cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp.

2.2.6. Sử dụng được một ngoại ngữ (Anh hoặc tiếng Trung Quốc) đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (hoặc tương đương quốc tế), phục vụ giao tiếp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật và hội nhập nghề nghiệp trong môi trường đa văn hóa; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe và thái độ học tập tích cực; nhận thức được vai trò của học tập suốt đời; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, có trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng trong môi trường chuyên môn linh hoạt và biến đổi.

2.3.2. Có năng lực tổ chức, hướng dẫn và giám sát kỹ thuật viên hoặc đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật tại xưởng thực hành, doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất.

2.3.3. Tự định hướng nghề nghiệp, hình thành quan điểm cá nhân; đưa ra kết luận, lập luận và bảo vệ chính kiến trong quá trình xử lý tình huống chuyên môn thực tế.

2.3.4. Có khả năng lập kế hoạch, điều phối và quản lý hiệu quả các nguồn lực; đánh giá và cải tiến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi công nghệ ngành dệt may.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO THEO KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN TOÀN KHÓA: 4,0 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 161 tín chỉ

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG <i>General education knowledge</i>	53	38	15
8.1.1		Lý luận chính trị <i>Political theory</i>	11	11	0
1	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	2	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Marxist - Leninist Political Economy</i>	2	2	0
3	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	2	0
4	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin <i>Marxist - Leninist Philosophy</i>	3	3	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn <i>Social sciences and humanities</i>	2	2	0
6	KHXX 006	Pháp luật đại cương <i>Introduction to law</i>	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ) <i>Foreign language (choose 1 of 2 languages)</i>	8	8	0
8.1.3.1		Tiếng Anh <i>English</i>	8	8	0
7	TANH 051	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>	2	2	0
8	TANH 052	Tiếng Anh 2 <i>English 2</i>	3	3	0
9	TANH 053	Tiếng Anh 3 <i>English 3</i>	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc <i>Chinese</i>	8	8	0
10	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese 1</i>	2	2	0
11	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 <i>Chinese 2</i>	3	3	0
12	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 <i>Chinese 3</i>	3	3	0

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
8.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học Mathematics - Natural sciences - Informatics	16	13	3
13	TOAN 014	Đại số tuyến tính <i>Linear algebra</i>	3	3	0
14	TOAN 016	Giải tích <i>Calculus</i>	3	3	0
15	VLV 010	Vật lý đại cương và ứng dụng <i>General physics and applications</i>	4	3	1
16	HOA 005	Hóa học đại cương và ứng dụng <i>General chemistry and applications</i>	2	2	0
17	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số <i>Basic informatics and digital transformation</i>	4	2	2
8.1.5		Kỹ năng mềm Soft skills	3	2	1
18	KNM 008	Kỹ năng mềm 1 <i>Soft skills 1</i>	3	2	1
8.1.6		Giáo dục thể chất (chọn 3 trong 5 học phần) Physical education (choose 3 of 5 courses)	3	0	3
19	GDTC 001	Bóng chuyền hơi <i>Soft volleyball</i>	1	0	1
20	GDTC 002	Bóng đá <i>Football</i>	1	0	1
21	GDTC 006	Cầu lông <i>Badminton</i>	1	0	1
22	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao <i>Dancesport</i>	1	0	1
23	GDTC 005	Pickleball <i>Pickleball</i>	1	0	1
8.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh National defense and security education	8 TC (165 tiết)		
24	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National defense and security education</i>	8 TC (165 tiết)		
8.1.8		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 4 học phần sau) Guided elective module (select 1 of the following 4 courses)	2	2	0
25	KHHH 002	Khởi nghiệp kinh doanh <i>Business start-up</i>	2	2	0

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
26	KHXX 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific research methods</i>	2	2	0
27	TOAN 021	Xác suất và thống kê <i>Probability and statistics</i>	2	2	0
28	TOAN 020	Phương pháp tính <i>Numerical methods</i>	2	2	0
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP <i>Professional education knowledge</i>	108	44	64
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành <i>Basic industry knowledge</i>	17	16	1
29	CNDM 062	An toàn lao động và môi trường dệt may <i>Labor safety and environment protection in textile and garment industry</i>	2	2	0
30	CNDM 049	Nhân trắc học may mặc <i>Anthropometry in garment industry</i>	2	2	0
31	CNDM 051	Thiết bị trong công nghiệp may <i>Industrial garment equipments</i>	3	2	1
32	CNDM 005	Vật liệu dệt may <i>Textile and garment materials</i>	2	2	0
33	CNDM 006	Vẽ kỹ thuật ngành may <i>Technical drawing in garment technology</i>	2	2	0
34	CNDM 015	Mỹ thuật trang phục <i>Costume art</i>	2	2	0
35	CNDM 061	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may <i>Finishing treatment of garment product</i>	2	2	0
36	DDT 003	Kỹ thuật điện <i>Electrical engineering</i>	2	2	0
8.2.2		Kiến thức ngành <i>Professional knowledge</i>	71	28	43
8.2.2.1		Phần bắt buộc <i>Compulsory subjects</i>	67	28	39
37	CNDM 056	Thiết kế trang phục 1 <i>Clothing design 1</i>	4	3	1
38	CNDM 057	Thiết kế trang phục 2 <i>Clothing design 2</i>	4	3	1
39	CNDM 064	Thiết kế trang phục 3 <i>Clothing design 3</i>	4	2	2
40	CNDM 040	Đồ án thiết kế trang phục <i>Clothing design project</i>	2	0	2

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
41	CNDM 008	Công nghệ may trang phục 1 <i>Technology of clothing manufacturing 1</i>	2	2	0
42	CNDM 037	Công nghệ may trang phục 2 <i>Technology of clothing manufacturing 2</i>	4	3	1
43	CNDM 038	Công nghệ may trang phục 3 <i>Technology of clothing manufacturing 3</i>	4	3	1
44	CNDM 039	Đồ án công nghệ may <i>Garment technology project</i>	2	0	2
45	CNDM 065	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1 <i>Computer-aided pattern design and marker making 1</i>	4	0	4
46	CNDM 053	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2 <i>Computer-aided pattern design and marker making 2</i>	3	0	3
47	CNDM 054	Thiết kế chuyên may công nghiệp <i>Design of industrial sewing lines</i>	2	2	0
48	CNDM 060	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp <i>Organization and management of production processes in apparel industry</i>	2	2	0
49	CNDM 067	Quản lý chất lượng may công nghiệp <i>Quality management in textile and garment industry</i>	2	2	0
50	CNDM 045	Kỹ thuật may cơ bản <i>Basic sewing techniques</i>	2	0	2
51	CNDM 066	Kỹ thuật may áo sơ mi, quần âu <i>Shirt and trousers sewing techniques</i>	5	0	5
52	CNDM 043	Kỹ thuật may áo jacket <i>Jacket sewing techniques</i>	4	0	4
53	CNDM 044	Kỹ thuật may áo veston <i>Veston sewing techniques</i>	4	0	4
54	CNDM 048	Kỹ thuật rải chuyên <i>Production - line technique</i>	4	0	4
55	CNDM 055	Thiết kế mẫu công nghiệp <i>Intrustrial garment pattern making</i>	3	3	0
56	CNDM 059	Thiết kế trang phục trên mannequin <i>Fashion design for manequins</i>	3	0	3

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
57	CNDM 063	Quản lý đơn hàng ngành may <i>Merchandising in garment industry</i>	3	3	0
8.2.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 2 trong 3 học phần sau) Guided elective module (select 1 of the following 5 courses)	4	0	4
58	CNDM 013	Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may <i>Applications of technical graphics in the sewing industry</i>	2	0	2
59	CNDM 047	Kỹ thuật may sản phẩm dệt kim <i>Knitted sewing techniques</i>	2	0	2
60	CNDM 036	Chế tạo cỡ gá ngành may <i>Fabricating sewing fixtures</i>	2	0	2
8.2.3		Thực tập và đồ án tốt nghiệp Internship and graduation project	20	0	20
8.2.3.1		Thực tập Internship	10	0	10
61	CNDM 402	Thực tập sản xuất <i>Production internship</i>	3	0	3
62	CNDM 403	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>	7	0	7
8.2.3.2		Đồ án tốt nghiệp Graduation project	10	0	10
63	CNDM 401	Đồ án tốt nghiệp (hoặc học các học phần chuyên môn sau) <i>Graduation project (or taking the following specialized courses)</i>	10	0	10
64	CNDM 042	Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em <i>Cutting and sewing children's costumes techniques</i>	5	0	5
65	CNDM 041	Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp <i>Cutting and sewing advanced costumes techniques</i>	5	0	5
Tổng (tín chỉ) Total (credits)			161	82	79

B. HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT/ No	Mã học phần/ Course code	Học phần/ Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
1	KNM 009	Kỹ năng mềm 2 <i>Soft skills 2</i>	3	2	1
2	TANH 061/ TIRUNG025	Tiếng Anh chuyên ngành CNDM/ Tiếng Trung nâng cao <i>Technical English for textile, garment technology/Advanced Chinese</i>	2	2	0
3	CNDM 407	Trải nghiệm doanh nghiệp <i>Enterprise Experience</i>	3	0	3
Tổng (tín chỉ) Total (credits)			8	4	4

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	2									3			3		3	
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Marxist - Leninist political economy</i>	2									3			3		3	
3	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2									3			3		3	
4	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin <i>Marxist - Leninist philosophy</i>	2									3			3		3	
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2									3			3		3	
6	KHXX 006	Pháp luật đại cương <i>Introduction to law</i>	2									3			3		3	
7	TANH 051	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>		2										3	3			
8	TANH 052	Tiếng Anh 2 <i>English 2</i>		2										3	3			
9	TANH 053	Tiếng Anh 3 <i>English 3</i>		3										3	4			
10	TTRUNG022	Tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese 1</i>		2										3	3			
11	TTRUNG023	Tiếng Trung Quốc 2 <i>Chinese 2</i>		2										3	3			
12	TTRUNG024	Tiếng Trung Quốc 3 <i>Chinese 3</i>		3										3	4			
13	TOAN 014	Đại số tuyến tính <i>Linear algebra</i>		3								3			2			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
14	TOAN 019	Giải tích <i>Calculus</i>		3								3			2			
15	VLÝ 010	Vật lý đại cương và ứng dụng <i>General physics and applications</i>		3								3			2			
16	HOA 005	Hóa học đại cương và ứng dụng <i>General chemistry and applications</i>		3								3			2			
17	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số <i>Basic informatics and digital transformation</i>			3				3					3	3			
18	KNM 008	Kỹ năng mềm 1 <i>Soft skills 1</i>	2									3	3		3		3	
19	GDTC 001	Bóng chuyền hơi <i>Soft volleyball</i>	2									3			3			
20	GDTC 002	Bóng đá <i>Football</i>	2									3			3			
21	GDTC 006	Cầu lông <i>Badminton</i>	2									3			3			
22	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao <i>Dancesport</i>	2									3			3			
23	GDTC 005	Pickleball <i>Pickleball</i>	2									3			3			
24	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National defense and security education</i>	2									3			3			
25	KHXX 002	Khởi nghiệp kinh doanh <i>Business start-up</i>		3								3			3			
26	KHXX 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific research methods</i>		3								3					3	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
27	TOAN 021	Xác suất và thống kê <i>Probability and statistics</i>		3								3			2			
28	TOAN 020	Phương pháp tính <i>Numerical methods</i>		3								3			2			
29	CNDM 062	An toàn lao động và môi trường dệt may <i>Labor safety and environment protection in textile and garment industry</i>				3					3				3		3	
30	CNDM 049	Nhân trắc học may mặc <i>Anthropometry in garment industry</i>				4					3	3			3	3		
31	CNDM 051	Thiết bị trong công nghiệp may <i>Industrial garment equipments</i>				3				3	3				3		3	
32	CNDM 005	Vật liệu dệt may <i>Textile and garment materials</i>				4			3	3					3		3	
33	CNDM 006	Vẽ kỹ thuật ngành may <i>Technical drawing in garment technology</i>					3			3				3	3		3	
34	CNDM 015	Mỹ thuật trang phục <i>Costume art</i>				4			3						3		3	
35	CNDM 061	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may <i>Finishing treatment of garment product</i>		3				3		3	3				3	3		
36	DDT 003	Kỹ thuật điện <i>Electrical engineering</i>				3									3	3	3	
37	CNDM 056	Thiết kế trang phục 1 <i>Clothing design 1</i>				3	4		3						3		3	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
38	CNDM 057	Thiết kế trang phục 2 <i>Clothing design 2</i>				3	4		3						3		3	
39	CNDM 058	Thiết kế trang phục 3 <i>Clothing design 3</i>					4		3	4					3		3	
40	CNDM 040	Đồ án thiết kế trang phục <i>Clothing design project</i>			3	4	4		4	4					3	3		
41	CNDM 008	Công nghệ may trang phục 1 <i>Technology of clothing manufacturing 1</i>				2		3		3					3		3	
42	CNDM 037	Công nghệ may trang phục 2 <i>Technology of clothing manufacturing 2</i>				2		3		3	3				2		3	
43	CNDM 038	Công nghệ may trang phục 3 <i>Technology of clothing manufacturing 3</i>				3		4		4	3				2		3	
44	CNDM 039	Đồ án công nghệ may <i>Garment technology project</i>			3	4		5		4	4				3	3		
45	CNDM 065	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1 <i>Computer-aided pattern design and marker making 1</i>			3		4		4						3	3		
46	CNDM 053	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2 <i>Computer-aided pattern design and marker making 2</i>			3		4		4						3	3		
47	CNDM 054	Thiết kế chuyên may công nghiệp <i>Design of industrial sewing lines</i>				4		4			4	3			3			3

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
48	CNDM 060	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp <i>Organization and management of production processes in apparel industry</i>						3		3		3			2		3	3
49	CNDM 067	Quản lý chất lượng may công nghiệp <i>Quality management in textile and garment industry</i>						4		4		3			3	3		
50	CNDM 045	Kỹ thuật may cơ bản <i>Basic sewing techniques</i>				2		2		4	3				3		3	
51	CNDM 066	Kỹ thuật may áo sơ mi, quần âu <i>Shirt and trousers sewing techniques</i>				2		3		4	4				3		3	
52	CNDM 043	Kỹ thuật may áo jacket <i>Jacket sewing techniques</i>				3		3		4	4				3		3	
53	CNDM 044	Kỹ thuật may áo veston <i>Veston sewing techniques</i>				3		4		4	3				3		3	
54	CNDM 048	Kỹ thuật rải chuyền <i>Production- line technique</i>				3		4		4	4		3		3	3		
55	CNDM 055	Thiết kế mẫu công nghiệp <i>Intrustrial garment pattern making</i>					4		4	3					3		3	
56	CNDM 059	Thiết kế trang phục trên Mannequin <i>Fashion design for manequins</i>					4		4	4					3		3	
57	CNDM 063	Quản lý đơn hàng ngành may <i>Merchandising in garment industry</i>						4				4	4			3		3

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
58	CNDM 013	Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may <i>Applications of technical graphics in the sewing industry</i>			3			4		3		3		3	3		3	
59	CNDM 047	Kỹ thuật may sản phẩm dệt kim <i>Knitted sewing techniques</i>				3		3		4	4				3		3	
60	CNDM 036	Chế tạo cữ gá ngành may <i>Fabricating sewing fixtures</i>						4		3		3			3		3	
61	CNDM 402	Thực tập sản xuất <i>Production internship</i>				3		3		3		4	4		3	3	3	
62	CNDM 403	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>				3		3		3	3	4	4		3	3		3
63	CNDM 401	Đồ án tốt nghiệp <i>Graduation project</i>				3	3	5	4	4	4				3	3	3	
64	CNDM 042	Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em <i>Cutting and sewing children's costumes techniques</i>				3	3		3	4					3	3		
65	CNDM 041	Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp <i>Cutting and sewing advanced costumes techniques</i>				3	3	4	3	4					3		3	
66	KNM 009	Kỹ năng mềm 2 <i>Soft skills 2</i>	2									3	3		3		3	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
67	TANH 061/ TIRUNG025	Tiếng Anh chuyên ngành CNDM/ Tiếng Trung nâng cao <i>Technical English for textile, garment technology/Advanced Chinese</i>		3										4	3			
68	CNDM 407	Trải nghiệm doanh nghiệp <i>Enterprise Experience</i>				2		2	2	2	2				3	3		

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

<u>ĐS tuyển tính</u> TOAN 014 (3,3,0)	<u>Vật lý ĐC và UD</u> VLY 010 (4,3,1)	<u>Giải tích</u> TOAN 016 (3,3,0)			<u>Đồ án TKTP</u> CNDM 040 (2,0,2)	<u>TK mẫu CN</u> CNDM 055 (3,3,0)	
<u>Hóa học ĐC và UD</u> HOA 005 (2,2,0)	<u>Vật liệu dệt may</u> CNDM 005 (2,2,0)	<u>Nhân trắc học may mặc</u> CNDM 049 (2,2,0)	<u>TK trang phục 1</u> CNDM 056 (4,3,1)	<u>TK trang phục 2</u> CNDM 057 (4,3,1)	<u>TK trang phục 3</u> CNDM 064 (4,2,2)	<u>TK trang phục trên mannequin</u> CNDM 059 (3,0,3)	
<u>PL đại cương</u> KHXX 006 (2,2,0)	<u>ATLD&MTDM</u> CNDM 062 (2,2,0)	<u>VKT ngành may</u> CNDM 006 (2,2,0)	<u>CN may TP 1</u> CNDM 008 (2,2,0)	<u>CN may TP 2</u> CNDM 037 (4,3,1)	<u>CN may TP 3</u> CNDM 038 (4,3,1)	<u>Đồ án CN may</u> CNDM 039 (2,0,2)	<u>Thực tập SX</u> CNDM 402 (3,0,3)
<u>Triết học M.Lênin</u> CTRI 004 (3,3,0)	<u>Mỹ thuật TP</u> CNDM 015 (2,2,0)	<u>KT may cơ bản</u> CNDM 045 (2,0,2)	<u>KT may áo sơ mi quần âu</u> CNDM 066 (5,0,5)	<u>KT rải chũn</u> CNDM 048 (4,0,4)	<u>KT may áo jacket</u> CNDM 043 (4,0,4)	<u>KT may áo veston</u> CNDM 044 (4,0,4)	<u>Thực tập TN</u> CNDM 403 (7,0,7)
<u>Kinh tế chính trị M.Lênin</u> CTRI 002 (2,2,0)	<u>CNXHKH</u> CTRI 001 (2,2,0)	<u>T. bị trong CNM</u> CNDM 051 (3,2,1)	<u>Lịch sử ĐCS VN</u> CTRI 003 (2,2,0)	<u>Trải nghiệm DN</u> CNDM 407 (3,0,3)	<u>T.kế - giác sơ đồ trên máy tính 1</u> CNDM 065 (4,0,4)	<u>T.kế - giác sơ đồ trên máy tính 2</u> CNDM 053 (3,0,3)	<u>Đồ án tốt nghiệp</u> CNDM 401 (10,0,10)
<u>Giáo dục quốc phòng AN</u> GDQP (4TC)	<u>Kỹ năng mềm 2</u> KNM 009 (3,2,1)	<u>Tư tưởng HCM</u> CTRI 005 (2,2,0)	<u>Tin học cơ bản và chuyển đổi số</u> TINCB 006 (4,2,2)	<u>Tổ chức & QLSXMCN</u> CNDM 060 (2,2,0)	<u>Quản lý chất lượng may công nghiệp</u> CNDM 067 (2,2,0)	<u>Quản lý đơn hàng ngành may</u> CNDM 063 (3,3,0)	<u>SV không làm đồ án tốt nghiệp thì học các HP thay thế</u>
	<u>T.Anh 1/T.Trung 1</u> TANH 051/TTRUNG 022 (2,2,0)	<u>T.Anh 2/ T.Trung 2</u> TANH 052/TTRUNG 023 (3,3,0)	<u>T.Anh 3/T.Trung 3</u> TANH053/TTRUNG 024 (3,3,0)	<u>TANCNCNDM/ T.TrungNC</u> TANH 061/ TTRUNG 025 (2,2,0)	<u>Thiết kế chuyển may CN</u> CNDM 054 (2,2,0)	<u>Chon 2/3 học phần</u> 8.2.2.2 (4,0,4)	
<u>Kỹ năng mềm 1</u> KNM 008 (3,2,1)	<u>Giáo dục quốc phòng AN</u> GDQP (4TC)	<u>KT điện</u> DDT 003 (2,2,0)	<u>Chon 1/4 học phần</u> 8.1.8 (2,2,0)	<u>Xử lý hoàn tất SP dệt - may</u> CNDM 061 (2,2,0)			
<u>GD thể chất</u> (1,0,1)	<u>GD thể chất</u> (1,0,1)	<u>GD thể chất</u> (1,0,1)					

HK I: 20 TC

HK II: 22TC

HK III: 20 TC

HK IV: 22 TC

HK V: 21 TC

HK VI: 22 TC

HK VII: 22 TC

HK VIII: 20 TC